

TÒA ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 /3/2023

V/v: Không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàn

Ông Phạm Hồng Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc " Không công nhận là vợ chồng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị L – Sinh năm: 1972

Trú quán: Thôn X, xã L, huyện V, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T – Sinh năm: 1969.

Trú quán: Thôn X, xã L, huyện V, tỉnh T.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T là người cùng xã, hai người tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10/1991 và được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đến UBND xã L, huyện

V để đăng ký kết hôn cũng như không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào để đăng ký kết hôn cả. Quá trình chung sống bà L, ông T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà L xét thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn, hạnh phúc gia đình không có nên bà Vũ Thị L yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Trần Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T có 02 con chung tên là: Trần Văn Th – sinh năm 1993 và Trần Thị Diệu L1 – sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/12/2022 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Vũ Thị L là người cùng xã. Hai người được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V vào tháng 10/1991 đã được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nhưng vì mưa lụt nên giấy chứng kết hôn đã bị hư hỏng không còn, hiện nay sổ lưu của UBND xã L từ năm 1991 trở về trước không có. Vì vậy, ông T không thể cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho Toà án được. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng ông hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi vã lẫn nhau nên bà L đã làm đơn đề nghị Toà án không công nhận quan hệ giữa ông và bà L là vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng ông chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng để không thể chung sống được với nhau. Ông T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông T vẫn rất thương yêu bà L nên đề nghị bà L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Vũ Thị L có 02 con chung tên là: Trần Văn Th – sinh năm 1993 và Trần Thị Diệu L1 – sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Vũ Thị L tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn T cho rằng ông và bà L có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V vào tháng 10/1991, nhưng ông không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn hoặc các giấy tờ chứng minh ông và bà L đã đăng ký kết hôn với nhau. Bà Vũ Thị L khẳng định bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đến UBND xã L cũng như không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào để đăng ký kết hôn. UBND xã L cũng xác nhận ông T và bà L không đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Trong các sổ lưu từ năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn cho bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T cũng như không cấp giấy giới thiệu hay giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho bà Vũ Thị L, ông Trần Văn T đi đăng ký kết hôn tại địa phương khác. Vì vậy, xác định bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng từ đó đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại bất kỳ địa phương nào, quá trình chung với nhau do tính tình không phù hợp nên hai người thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau. Bà L và ông T đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2022 đến nay. Nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L về việc đề nghị Tòa án không công nhận bà L và ông T là vợ chồng là có căn cứ nên cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L, tuyên bố quan hệ giữa bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T không phải là vợ chồng. Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là: Trần Văn Th – sinh năm 1993 và Trần Thị Diệu L1 – sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị L khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng đối với ông Trần Văn T cư trú tại xã L, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình với yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà L và ông T là vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Văn T cho rằng ông và bà Vũ Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Vĩnh Lộc vào tháng 10/1991, nhưng ông không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn hoặc các giấy tờ chứng minh ông và bà L đã đăng ký kết hôn với nhau. Bà Vũ Thị L khẳng định bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đến UBND xã L cũng như không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào để đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T là hôn nhân không hợp pháp, bởi lẽ theo quy định của pháp luật nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng phải đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T chung sống với nhau từ tháng 10/1991 nhưng không đăng ký kết hôn tại bất cứ địa phương nào từ đó cho đến nay. Các chứng cứ bà L cung cấp cũng như Biên bản xác minh ngày 14/12/2022 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh T (là quê quán cũng là nơi bà L, ông T cư trú), UBND xã L xác nhận các sổ lưu từ năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn cho bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T cũng như không cấp giấy giới thiệu hay giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho bà Vũ Thị L, ông Trần Văn T để đi đăng ký kết hôn tại địa phương khác. Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T chung sống chung với nhau từ năm 1991 đã có hai con chung với nhau, quá trình chung sống với nhau bà L và ông T sống không hạnh phúc. Từ năm 2022 đến nay mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng. Bà L và ông T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai từ tháng 11/2022 cho đến nay.

Tại phiên toà ông T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông vẫn yêu thương bà L và mong muốn bà L suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng ông T không có giải pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Bà L vẫn xác định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, bà L và ông T không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Bà L, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà L và ông T không phải là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở tuyên bố quan hệ giữa bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T có 02 con chung tên là Trần Văn Th – sinh năm 1993 và Trần Thị Diệu L1 – sinh năm 1997. Hiện nay cả hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị L.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004787 ngày 28/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Bà L đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Bà Vũ Thị L và ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Lê Thị Hương Giang